

Số: 014 /2025/KH-PXU

Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TOÀN KHÓA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC,
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
ÁP DỤNG TỪ KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2025

Ngành: **NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**

Mã ngành: 7220204

Khoa: Ngôn ngữ

Khối lượng kiến thức toàn khóa: **126** tín chỉ, trong đó:

- Kiến thức đại cương: 46 tín chỉ;
- Kiến thức cơ sở ngành: 26 tín chỉ
- Kiến thức ngành: 25 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành: 14 tín chỉ
- Thực tập doanh nghiệp và khóa luận tốt nghiệp: 15 tín chỉ

1. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Hình thức đánh giá
1	KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG: 46 TC (Bắt buộc)		46		
1.1	Lý luận chính trị, pháp luật		13		
1	POL.7.01	Triết học Mác-Lênin	3	IV	Trắc nghiệm + Tự luận
2	POL.7.02	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	V	Trắc nghiệm + Tự luận
3	POL.7.03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	VI	Trắc nghiệm
4	POL.7.04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	VII	Trắc nghiệm
5	POL.7.05	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	VIII	Trắc nghiệm
6	LAW.7.01	Pháp luật đại cương	2	III	Trắc nghiệm
1.2	Ngoại ngữ - Tin học		12		
7	FOL.7.01	Ngoại ngữ 1	3	II	TN+TL+VĐ
8	FOL.7.02	Ngoại ngữ 2	3	III	TN+TL+VĐ
9	FOL.7.03	Ngoại ngữ 3	3	IV	TN+TL+VĐ
10	BIT.7.01	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	I	TN + Thực hành
1.3	Kiến thức liên ngành		21		
11	ORI.7.01	Nhập môn nghề nghiệp	2	I	Bài tập lớn
12	JSL.7.01	Kỹ năng tìm việc và hội nhập doanh nghiệp	2	VIII	Vấn đáp

13	REM.7.01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	VII	Đồ án
14	EBS.7.01	Marketing ứng dụng	3	V	Trắc nghiệm + Tự luận
15	ETS.7.01	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo	3	II	Đồ án
16	EBS.7.02	Kỹ năng bán hàng và đàm phán trong kinh doanh	3	VI	Trắc nghiệm + Tự luận
17	ESS.7.01	Quản trị bản thân	3	IV	Đồ án
18	EBS.7.03	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	VII	Đồ án
2	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 80 TC (71 TC Bắt buộc, 9 TC tự chọn)		80		
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành: 26 TC (Bắt buộc)		26		
19	CHL.7.01	Ngữ âm - Văn tự	2	I	Trắc nghiệm + Tự luận
20	CHL.7.02	Nghe 1	3	I	Trắc nghiệm + Tự luận
21	CHL.7.03	Nói 1	3	I	Vấn đáp
22	CHL.7.04	Đọc 1	3	II	Trắc nghiệm + Tự luận
23	CHL.7.05	Viết 1	3	II	Tự luận
24	CHL.7.06	Nghe 2	3	II	Trắc nghiệm + Tự luận
25	CHL.7.07	Nói 2	3	IV	Vấn đáp
26	CHL.7.08	Đọc 2	3	III	Trắc nghiệm + Tự luận
27	CHL.7.09	Viết 2	3	III	Tự luận
2.2	Khối kiến thức ngành: 25 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 4 TC)		25		
	Bắt buộc: 21 TC		21		
28	CHL.7.10	Nghe nâng cao	3	V	Trắc nghiệm + Tự luận
29	CHL.7.11	Nói nâng cao	3	V	Vấn đáp
30	CHL.7.12	Đọc nâng cao	3	V	Trắc nghiệm + Tự luận
31	CHL.7.13	Viết nâng cao	3	IV	Tự luận
32	CHL.7.14	Ngữ pháp tiếng Trung cơ bản	2	VI	Trắc nghiệm + Tự luận
33	CHL.7.15	Ngữ pháp tiếng Trung nâng cao	2	VII	Trắc nghiệm + Tự luận
34	CHL.7.16	Tiếng Trung tổng hợp nâng cao	3	VI	Trắc nghiệm + Tự luận
36	CHL.7.18	Văn hoá Trung Quốc	2	VI	Đồ án
	Tự chọn: 4 TC/10 TC (chọn 2 trong 5 học phần)		4		
35	CHL.7.17	HSK trung cấp	2	VI	Trắc nghiệm + Tự luận
37	CHL.7.19	HSK cao cấp	2	VII	Trắc nghiệm + Tự luận
38	CHL.7.20	Viết văn ứng dụng	2	VI	Tự luận
39	CHL.7.21	Nghệ thuật giao tiếp tiếng Trung	2	VII	Vấn đáp
40	CHL.7.22	HSKK trung cấp	2	VII	Vấn đáp

2.3	Khối kiến thức chuyên ngành: 14 TC (Bắt buộc: 9 TC, Tự chọn: 5 TC)		14		
2.3.1	Chuyên ngành tiếng Trung Thương mại		14		
	Bắt buộc: 9 TC		9		
41	BUC.7.01	Tiếng Trung thương mại	3	VII	Trắc nghiệm + Tự luận
42	BUC.7.02	Giao tiếp kinh doanh	3	VIII	Trắc nghiệm + vấn đáp
43	BUC.7.03	Quảng cáo thương mại	3	VIII	Tự luận
	Tự chọn: 5 TC/12 TC (chọn 2 trong 4 học phần)		5		
44	BUC.7.04	Ngôn ngữ văn bản pháp luật	3	VIII	Tự luận
45	BUC.7.05	Thư tín thương mại	2	VIII	Tự luận
46	BUC.7.06	Dịch thuật kinh tế - xã hội	2	VIII	Tự luận
47	BUC.7.07	Tiếng Trung văn phòng	3	VIII	Trắc nghiệm + Tự luận
2.3.2	Chuyên ngành Tiếng Trung du lịch		14		
	Bắt buộc: 9 TC		9		
48	CHT.7.01	Tiếng Trung du lịch cơ bản	3	VII	Tự luận
49	CHT.7.02	Tiếng Trung Lễ tân - Khách sạn - Nhà hàng	3	VIII	Vấn đáp
50	BUC.7.07	Tiếng Trung văn phòng	3	VIII	Trắc nghiệm + Tự luận
	Tự chọn: 5 TC/12 TC (chọn 2 trong 4 học phần)		5		
51	CHT.7.03	Tiếng Trung cảnh điểm du lịch	2	VIII	Đồ án
52	CHT.7.04	Tiếng Trung du lịch nâng cao	2	VIII	Tự luận
53	TTS.7.02	Tổng quan du lịch	3	VIII	Tự luận
54	TTS.7.24	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	VIII	Đồ án
2.4	Thực tập doanh nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp		15		
55	CHL.7.23	Thực tập doanh nghiệp	9	IX	Báo cáo thực tập
56	CHL.7.24	Khóa luận tốt nghiệp	6	IX	Khóa luận tốt nghiệp
4	KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY TÍN CHỈ				
1	DSE.7.01	Giáo dục quốc phòng và an ninh		III	
2	PHE.7.01	Giáo dục thể chất 1	1	I	
3	PHE.7.02	Giáo dục thể chất 2	1	II	
4	PHE.7.03	Giáo dục thể chất 3	1	III	
		Tổng	126	(Không bao gồm GDQP-AN và GDTC)	

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị (để t/h);
- Đăng website trường;
- Lưu: VT, ĐT, CVT.


TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHỤNG XUÂN

TS. Nguyễn Duy Thuận